TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **29** /2026/DS-ST.
Ngày: 20/7/2026.
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa*: Trần Thị Nhã Phương

- *Hội thẩm nhân dân*: Ông Y Yao Bkrông và ông Nguyễn Xuân Trường

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Lương Thị Thanh Thủy– Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa: Ông Y Gon Niê – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 20/7/2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 261/2025/TLST-DS ngày 19 tháng 12 năm 2025, về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2026/QĐXXST-DS, ngày 17/6/2026; quyết định hoãn phiên tòa số 39/2026/QĐST -DS ngày 02/7/2026 giữa các đương sự:

* ***Nguyên đơn:***Ông **Nguyễn Văn P**, sinh năm 1975. Nơi cư trú: Thôn 2 xã K, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)

*** *Bị đơn:*** Ông **Y B Niê**, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Buôn M, xã M, tỉnh Đắk Lắk. **(**Có mặt)

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

+ Ông **Lưu Văn H**. Nơi cư trú: Thôn 2, xã K, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

+ Bà **H N Mlô**. Nơi cư trú: Buôn M, xã M, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

*** *Người làm chứng:*** Bà **Trần Thị D**, sinh năm 1962. Nơi cư trú: Thôn H, xã C, tỉnh Đắk Lắk. (Có đơn xin giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tố tụng, tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn P trình bày:***

Khoảng 15/6/2024 ông Y B Niê có thống nhất bán cho tôi 01ha đất rẫy trồng mì với giá 65.000.000đ nên tôi đã nhiều lần chuyển khoản cho ông Y B Niê qua Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Aribank) với số tài khoản 5210205175241, chủ tài khoản mang tên Y B Niê cụ thể các lần chuyển khoản như sau:

- Ngày 15/06/2024, tôi chuyển cho Ông Y B Niê số tiền là 10.000.000 đồng
- Ngày 27/06/2024, tôi chuyển cho Ông Y B Niê số tiền là 2.000.000 đồng
- Ngày 29/06/2024, tôi chuyển cho Ông Y B Niê số tiền là 1.000.000 đồng
-Ngày 12/07/2024, tôi chuyển cho Ông Y B Niê số tiền là 10.000.000 đồng
- Ngày 14/07/2024, tôi chuyển cho Ông Y B Niê số tiền là 2.000.000 đồng
- Ngày 19/07/2024, tôi chuyển cho Ông Y B Niê số tiền là 6.000.000 đồng
- Ngày 23/07/2024, tôi chuyển cho Ông Y B Niê số tiền là 3.000.000 đồng
- Ngày 27/07/2024, tôi chuyển cho Ông Y B Niê số tiền là 6.000.000 đồng
- Ngày 11/08/2024, tôi chuyển cho Ông Y B Niê số tiền là 1.000.000 đồng
- Ngày 17/08/2024, tôi chuyển cho Ông Y B Niê số tiền là 19.000.000 đồng
- Ngày 26/08/2024, ông Y B Niê nhờ tôi chuyển cho số tiền là 5.000.000 đồng vào tài khoản số 6321009839 qua Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) chủ tài khoản là ông Lưu Văn H.

Tổng số tiền ông Y B Niê đã nhận của tôi là 65.000.000đ. Nhưng sau đó, gia đình ông Y B Niê không đồng ý bán đất cho tôi nên vào ngày 07/10/2024, tôi đã yêu cầu ông Y B Niê viết "giấy mượn tiền", với tổng số tiền 65.000.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu đồng chẵn) chia làm 03 đợt trả cụ thể như sau:

- Đợt 1: Ngày 18/10/2024, ông Y B Niê phải trả cho tôi số tiền là 20.000.000đồng.

- Đợt 2: Ngày 18/11/2024, ông Y B Niê phải trả cho tôi số tiền là 20.000.000 đồng.

- Đợt 3: Ngày 20/12/2024, ông Y B Niê phải trả cho tôi số tiền còn lại là 25.000.000 đồng.

Nay đã quá thời hạn nhưng ông Y B Niê vẫn chưa có động thái trả khoản nợ cho tôi. Tôi đã nhiều lần tìm gặp, liên lạc để yêu cầu thanh toán khoản tiền nợ nhưng ông Y B Niê cố ý tránh né không trả khoản nợ trên. Đồng thời, ông Y B Niê cũng đã cam kết có thể chậm trả tiền cho tôi không quá 03 ngày, nếu không trả số tiền đã mượn đúng theo như thời hạn các bên đã thỏa thuận thì ông Y B Niê phải trả gấp đôi số tiền đã mượn của tôi.

Nhận thấy hành vi trên của ông Y B Niê cố ý chây ỳ, không có ý thức trả nợ cho tôi, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề cụ thể như sau: Buộc ông Y B Niê trả lại cho tôi khoản tiền đã vay và tiền lãi phát sinh theo lãi suất 0,83%/tháng là:

+ Buộc ông Y B Niê trả lại cho tôi khoản tiền đã vay và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 18/10/2024 là: (20.000.000 x 0,83%) x 13 tháng = 2.158.000 đồng (Hai triệu một trăm năm mươi tám nghìn đồng chẵn).

+ Buộc ông Y B Niê trả lại cho tôi khoản tiền đã vay và tiền lãi phát sinh tỉnh từ ngày 18/11/2024 là: (20.000.000 x 0,83%) x 12 tháng = 1.992.000 đồng (Một triệu chín trăm chín mươi hai nghìn đồng chẵn)

+ Buộc ông Y B Niê trả lại cho tôi khoản tiền đã vay và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 20/12/2024 là: (25.000.000 x 0,83%) x 11 tháng = 2.282.500 đồng (Hai triệu hai trăm tám mươi hai nghìn năm trăm đồng chẵn)

Ngày 02/12/2025 ông Y B Niê đã chuyển khoản trả cho tôi được 3.000.000đ tiền gốc nên số tiền gốc còn nợ là 62.000.000đ và 6.432.500 đồng tiền lãi tạm tính và 65.000.000 đồng do vi phạm thời hạn nên phải trả gấp đôi số tiền mượn. Tổng cộng là 133.432.500đ *(Một trăm ba mươi ba triệu, bốn trăm ba mươi hai nghìn, năm trăm đồng)*

****Theo bản tự khai, tại phiên tòa bị đơn ông Y B Niê trình bày***: Tôi xác định từ khoảng đầu tháng 6/2024 tôi có thống nhất bán cho ông P 01 thửa đất rẫy với số tiền 65.000.000đ, sau đó các thành viên trong gia đình tôi không đồng ý bán nữa nên ông P cũng không mua. Vào ngày 07/10/2024, ông Nguyễn Văn P đã yêu cầu tôi viết "giấy mượn tiền", với tổng số tiền 65.000.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu đồng chẵn) chia làm 03 đợt trả cụ thể như sau:

- Đợt 1: Ngày 18/10/2024, ông Y B Niê phải trả cho tôi số tiền là 20.000.000đồng.

- Đợt 2: Ngày 18/11/2024, ông Y B Niê phải trả cho tôi số tiền là 20.000.000 đồng.

- Đợt 3: Ngày 20/12/2024, ông Y B Niê phải trả cho tôi số tiền còn lại là 25.000.000 đồng.

Tôi đã viết các nội dung trên theo lời chỉ dẫn của ông P, nếu trả chậm ngày hẹn thì phải trả gấp đôi số tiền vay. Tuy nhiên từ lúc làm giấy cho đến nay tôi chưa nhận được khoản tiền vay nào của ông P bằng hình thức chuyển khoản hay tiền mặt. Nên không đồng ý nội dung khởi kiện của ông P. Hơn nữa, vào ngày 02/12/2025 tôi có chuyển trả ông P 3.000.000đ nên số tiền còn nợ lại là 62.000.000đ, đây là tiền về việc mua bán đất chứ không phải tiền vay nên tôi không đồng ý trả lãi cũng như không đồng ý trả gấp đôi số tiền đã mượn theo cam kết ngày 07/10/2024.

**** Tại bản tự khai ông Lưu Văn H trình bày*:** Tôi là người cùng xã với ông Nguyễn Văn P. Trong khoản thời gian 26/8/2024 anh Phương có chuyển vào tài khoản của tôi 5.000.000đ (năm triệu đồng) do anh Y B Niê nhờ anh Phương chuyển trả nợ cho tôi. Vì trước đó anh Y B Niê có nói cho tôi thuê lại đám đất và tôi có chuyển tiền đặt cọc cho anh Y B Niê. Nhưng sau đó anh Y B Niê không cho thuê đất mà để bán cho ông Nguyễn Văn P. Vì vậy anh Y B Niê có nhờ anh Phương chuyển trả cho tôi số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng). Còn khoản nợ của hai người như thế nào thì tôi không biết.

* Bà H'N Mlô đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia các giai đoạn tố tụng của Tòa án nên không ghi nhận được ý kiến của bà H'N Mlô.

**** Người làm chứng bà Trần Thị D trình bày***: Bà Trần Thị D xác định khoảng ngày 07/10/2024 tôi có thuê ông Nguyễn Thế H trồng keo tại tiểu khu 755 thì ông H gọi điện thoại cho tôi nói rằng ông P không cho trồng. Khi tôi vào thì được biết bà H'N Mlô thuê ông P san đào đất hết 42.000.000đ mà chưa thanh toán tiền. Khi tôi vào tại quán ông P và chứng kiến việc bà H'N Mlô chuyển trả cho ông P 42.000.000đ. Việc ông P cho ai vay từ lúc nào thì tôi không biết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk đã ban hành các văn bản tố tụng, triệu tập các đương sự, tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng để tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải nhưng bị đơn ông Y B Niê chỉ có mặt làm bản tự khai, không tham gia các giai đoạn tố tụng khác. Vì vậy, Tòa án không tiến hành được phiên hòa giải để các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử xử theo quy định của pháp luật.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

+ *Về tố tụng*: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 198 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, như lập hồ sơ vụ án, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, tống đạt giấy triệu tập, các quyết định của Tòa án cho đương sự, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định, thành phần Hội đồng xét xử và trình tự thủ tục tố tụng tại phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ *Về nội dung vụ án*: Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 147; Điều 203; Điều 227, 233, 235; Điều 266; 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ các Điều 357; 463, 466; 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Đề nghị: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn P.

Buộc ông Y B Niê có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn P số tiền còn nợ là 62.000.000đ và lãi suất kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo mức 0,83%/tháng.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn P về việc buộc ông Y B Niê trả thêm 65.000.000 đồng theo nội dung cam kết "trả gấp đôi số tiền mượn".

Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ ý kiến của của các đương sự, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn P khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Y B Niê trả số tiền vay theo giấy mượn tiền ngày 07/10/2024, nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn cư trú tại xã M'Drắk, tỉnh Đắk Lắk nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Bị đơn chỉ tham gia làm bản tự khai, không tham gia các giai đoạn tố tụng khác nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lưu Văn H, bà H'Nguyệt Mlô vắng mặt; người làm chứng bà Trần Thị Dương có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy việc vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

[2] **Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:**

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn P trình bày trong khoảng thời gian từ tháng 6/2024 đến tháng 8/2024 đã nhiều lần chuyển tiền cho ông Y B Niê để nhận chuyển nhượng 01 ha đất rẫy với tổng số tiền 65.000.000 đồng. Sau đó việc chuyển nhượng đất không thực hiện được do gia đình ông Y B Niê không đồng ý nên ngày 07/10/2024 hai bên thống nhất lập "Giấy mượn tiền", trong đó ông Y B Niê xác nhận đã mượn của ông Nguyễn Văn P số tiền 65.000.000 đồng và cam kết trả thành ba đợt vào các ngày 18/10/2024, 18/11/2024 và 20/12/2024.

Để chứng minh yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn giao nộp cho Tòa án bản chính giấy mượn tiền ngày 07/10/2024 có chữ viết, chữ ký của ông Y B Niê; các chứng từ chuyển khoản qua Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam và khoản tiền 5.000.000 đồng chuyển vào tài khoản ông Lưu Văn H theo yêu cầu của ông Y B Niê. Ông Lưu Văn H xác nhận khoản tiền 5.000.000 đồng do ông Nguyễn Văn P chuyển vào tài khoản của ông là theo yêu cầu của ông Y B Niê để hoàn trả tiền đặt cọc trước đó. Lời khai của ông Hạ phù hợp với nội dung trình bày của nguyên đơn và chứng từ chuyển khoản trong hồ sơ vụ án.

Bị đơn thừa nhận có viết giấy mượn tiền ngày 07/10/2024 nhưng cho rằng chưa nhận tiền của nguyên đơn, việc viết giấy là theo sự hướng dẫn của nguyên đơn. Tuy nhiên, bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho lời trình bày của mình; đồng thời cũng không giải thích hợp lý về việc ký giấy xác nhận nợ với số tiền cụ thể, thời hạn trả nợ cụ thể nếu thực tế không phát sinh nghĩa vụ trả tiền. Theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự phản đối yêu cầu của bên kia phải có nghĩa vụ chứng minh. Bị đơn không thực hiện được nghĩa vụ chứng minh nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận lời trình bày của bị đơn.

Do đó có đủ căn cứ xác định giữa ông Nguyễn Văn P và ông Y B Niê đã xác lập hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015. Đến hạn trả nợ, ông Y B Niê không thực hiện nghĩa vụ trả tiền là vi phạm nghĩa vụ của bên vay theo Điều 466 Bộ luật Dân sự. Vì vậy, yêu cầu buộc ông Y B Niê trả số tiền gốc 62.000.000 đồng (đã trừ 3.000.000đ trả vào ngày 02/12/2025) là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[3] Đối với yêu cầu tính lãi:

Các bên không có thỏa thuận về lãi suất trong thời gian vay mượn. Khi đến hạn trả nợ theo cam kết vào ba đợt nhưng bên vay không trả thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Nguyên đơn yêu cầu tính lãi với mức 0,83%/tháng, tương ứng mức lãi suất 10%/năm quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Mức lãi suất này phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

+ Đối với khoản 20.000.000 đồng, từ ngày 18/10/2024 đến ngày 20/7/2026 là 640 ngày: 20.000.000đ x 10% x 640 : 365 = 3.506.849 đồng

+ Đối với khoản 20.000.000 đồng, từ ngày 18/11/2024 đến ngày 20/7/2026 là 609 ngày: 20.000.000 × 10% × 609/365 = 3.336.986 đồng

+ Đối với khoản 25.000.000 đồng, từ ngày 20/12/2024 đến ngày 02/12/2025 là 347 ngày: 25.000.000 × 10% × 347/365 = 2.376.712 đồng

+ Lãi 22.000.000đ từ ngày 03/12/2025 đến 20/7/2026 là 229 ngày: 22.000.000đ x 10% x 229/365 = 1.380.274 đồng

Tổng cộng tiền lãi là 10.600.821 đồng (mười triệu,sáu trăm nghìn, tám trăm hai mốt đồng)

[4] Đối với yêu cầu buộc bị đơn trả thêm 65.000.000 đồng do vi phạm cam kết trả nợ: "trả gấp đôi số tiền mượn"

Trong giấy mượn tiền các bên có ghi nội dung nếu bị đơn không trả đúng thời hạn thì phải trả gấp đôi số tiền đã mượn. Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ giữa các bên là hợp đồng vay tài sản. Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định khi bên vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì phải chịu trách nhiệm trả nợ gốc và lãi chậm trả theo Điều 357, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự; pháp luật không quy định chế tài buộc bên vay phải trả gấp đôi số tiền vay chỉ vì chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Thỏa thuận này làm phát sinh nghĩa vụ vượt quá trách nhiệm dân sự mà pháp luật quy định, không phù hợp với bản chất của hợp đồng vay tài sản và không có căn cứ để buộc thực hiện. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả thêm 65.000.000 đồng do vi phạm thời hạn trả nợ theo cam kết.

Từ những nhận định trên cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn P. Buộc ông Y B Niê có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn P số tiền 72.600.821đồng (trong đó có 62.000.000đồng tiền nợ gốc và 10.600.821 đồng tiền lãi)

Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn P về việc buộc ông Y B Niê trả thêm 65.000.000 đồng theo nội dung cam kết "trả gấp đôi số tiền mượn".

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận một phần nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền phải thanh toán là 3.630.041đ (theo mức 72.600.821đ x 5%)

Nguyên đơn phải chịu 3.250.000đ án phí DSST có giá ngạch đối với phần yêu cầu không được chấp nhận (theo mức 65.000.000đ x 5%). Được khấu trừ vào số tiền 3.425.338đ tạm ứng án phí ông P đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005621 ngày 15/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh ĐăkLăk. Hoàn trả cho

ông Nguyễn Văn P 175.338 đồng tiền tạm ứng án phí còn lại theo biên lai thu tiền nói trên

Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk tại phiên tòa là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 147; Điều 203; Điều 227, 233, 235; Điều 266; 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Áp dụng các Điều 357; 463, 466; 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[1] Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn P.

Buộc ông Y B Niê có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn P số tiền 72.600.821đồng *(bảy mươi hai triệu, sáu trăm nghìn, tám trăm hai mươi mốt đồng).* Trong đó: có 62.000.000đồng tiền nợ gốc và 10.600.821 đồng tiền lãi)

Kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, ông Y B Niê còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn P về việc buộc ông Y B Niê trả thêm 65.000.000 đồng theo nội dung cam kết "trả gấp đôi số tiền mượn".

[2]. Về án phí:

Bị đơn ông Y B Niê phải chịu 3.630.041đ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn P phải chịu 3.250.000đ án phí DSST có giá ngạch đối với phần yêu cầu không được chấp nhận. Được khấu trừ vào số tiền 3.425.338đ tạm ứng án phí ông P đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005621 ngày 15/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh ĐăkLăk. Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn P 175.338 đồng tiền tạm ứng án phí còn lại theo biên lai thu tiền nói trên

[3]. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết công khai theo quy định.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự."

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 7;
- Phòng THADS khu vực 7;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Nhã Phương